

GỖ XẺ	TCVN
Phân hạng chất lượng theo khuyết tật	1758 - 86
Sawn wood	-----
Specifications	Cố hiệu
Based on its defects	lực từ:
	1-1-1988

1. Tiêu chuẩn này thay thế cho TCVN 1758 - 75, áp dụng đối với các loại gỗ xẻ lá rộng dùng trong xây dựng, gieo thông vận tải và sản xuất đồ gỗ, không áp dụng đối với các loại gỗ xẻ chuyên dùng như gỗ xẻ làm tà vẹt, nhạc cụ, dụng cụ thể thao ...

2. Dựa vào mức độ khuyết tật, gỗ xẻ được phân thành các hạng A, B, C theo quy định trong bảng sau :

Khuyết tật	Giới hạn cho phép		
	Hạng A	Hạng B	Hạng C
(1)	(2)	(3)	(4)
<u>A. Khuyết tật do sinh vật phá hoại</u>			
1. Mức xét tỷ lệ giữa diện tích vết mục, so với bề mặt gỗ xẻ tính theo %, không lớn hơn	Không được phép	5	5
2. Mất chết, mất dò (hoặc lỗ hà, mạch trạch)			
- Tỷ lệ giữa đường kính lớn nhất của mất so với chiều rộng gỗ xẻ tính theo %, không lớn hơn	5	10	-

(1)	(2)	(3)	(4)
- Số mắt có đường kính từ 3mm trở lên trên bề mặt gỗ xẻ, không lớn hơn	1	3	5
3. Lỗ mọt : Số lỗ mọt trên bề mặt gỗ xẻ (có chiều rộng 400 mm) không lớn hơn	5	15	-
4. Lóc, biến màu : Tỷ lệ giữa diện tích mốc, biến màu, so với bề mặt gỗ xẻ, tính theo %, không lớn hơn	10	20	40
B. <u>Khuyết tật do kỹ thuật gia công gỗ</u>			
1. Mọt : Chiều dài vết mọt (vết mọt hoặc vỏ cây bị kẹt trong gỗ có chiều rộng lớn hơn 3 mm) so với chiều dài gỗ xẻ tính theo % không lớn hơn	5	15	-
2. Cong : - Cong khác chiều - Độ cong theo chiều dài tấm gỗ xẻ (trừ ván mỏng dưới 15mm và gỗ thanh có kích thước 60 x 60 mm trở xuống tính bằng %, không lớn hơn	không	cho	phép
3. Vênh : Độ vênh tính bằng %, không lớn hơn	1.	2	3
	Không được phép	4	6

(1)	(2)	(3)	(4)
<p>4. Phe, lẹm :</p> <p>Tỷ lệ giữa đường kính (vuông góc với chiều dài gỗ xẻ) của vết lẹm sâu nhất, so với bề mặt gỗ xẻ tính theo %, không lớn hơn</p>	10	30	50
<p>5. Độ nhám bề mặt :</p> <p>Độ sâu vết cườm (do mở răng cưa không đều), độ cao gợn sóng (do xẻ bị lượn), mm , không được lớn hơn</p>	Sai lệch cho phép về chiều dày và chiều rộng qui định trong TCVN 1075-71 đã sửa đổi		
C. <u>Khuyết tật tự nhiên</u>			
<p>1. Mắt sống :</p> <p>Tỷ lệ giữa đường kính lớn nhất của mắt, so với chiều rộng gỗ xẻ (tại chỗ có mắt) tính theo %, không lớn hơn</p>	10	30	50
<p>- Số lượng mắt trên 1 m dài gỗ xẻ, không lớn hơn</p>	2	4	6
<p>2. Xoắn thớ :</p> <p>Độ xiên của thớ gỗ tính theo %, không lớn hơn</p>	10	20	-

Chú thích:

1. Độ song song từng đôi một của các mặt gỗ xẻ không

được lớn hơn các sai lệch cho phép về chiều dày, chiều rộng qui định trong TCVN 1075-71 đã sửa đổi.

2. Các giới hạn cho phép của các khuyết tật trong tiêu chuẩn này qui định cho gỗ xẻ có độ ẩm từ 18% trở xuống.

3. Phương pháp xác định các khuyết tật của gỗ theo TCVN 1757 - 85 đã sửa đổi.